

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2025/DSST

Ngày: 17 - 01 - 2025

V/v “*Tranh chấp tài sản thừa kế và
chia quyền sử dụng đất trong hộ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Thanh Hoàng

2/ Ông Nguyễn Văn Tâm

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Hữu Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Võ Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2024 và ngày 17 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp tài sản thừa kế và chia quyền sử dụng đất trong hộ*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXX- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn B, sinh năm: xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

2. **Bị đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm: xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3. 1. Bà Võ Thị T1, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

3.2. Bà Võ Thị R, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà R: Ông Võ Văn T, sinh năm: xxxx.
Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền số chứng thực 54, ngày 05 tháng 5 năm 2023), có mặt;

3.3. Bà Võ Thị H (Võ Thị E), sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Số nhà A, đường H, khu phố C, phường P, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

3. 4. Ông Võ Văn T2, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. 5. Ông Võ Văn D, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Võ Thị H (Võ Thị E), sinh năm 1952. Địa chỉ: Số nhà A, đường H, khu phố C, phường P, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số chứng thực 118, ngày 08 tháng 5 năm 2024), có mặt,

3. 6. Anh Võ Văn M, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh M: Ông Võ Văn T, sinh năm: xxxx. Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền số chứng thực 178, ngày 24 tháng 6 năm 2023), có mặt,

3. 7. Chị Võ Thị V, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. 8. Anh Võ Văn Thanh L, sinh năm xxxx, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Chị Võ Thị V, sinh năm xxxx.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang (Giấy ủy quyền số công chứng 3822, ngày 13 tháng 5 năm 2024), có mặt,

3. 9. Anh Võ Văn K, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. 10. Chị Võ Thị T3, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.11. Chị Võ Thị H1, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Số H, đường số B, Phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K, chị T3, chị H1: Chị Võ Thị V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền số công chứng 3699, ngày 09 tháng 5 năm 2024), có mặt,

3. 12. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm xxxx, có mặt

3. 13. Anh Võ Huỳnh Hồng H3, sinh năm xxxx, xin vắng

3. 14. Anh Võ Huỳnh Quốc T4, sinh năm xxxx, xin vắng

3. 15. Chị Võ Huỳnh Phương N1, sinh năm xxxx, xin vắng

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. 16. Bà Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H4: Ông Võ Văn B, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền số công chứng 7859, ngày 16 tháng 9 năm 2024), có mặt,

3. 17. Anh Võ Văn Minh N2, sinh năm xxxx, xin vắng

Địa chỉ: Số H, khu phố P, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh,

3. 18. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm xxxx, có mặt

3. 19. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm xxxx, có mặt

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

3. 20. Bà Lê Thị Mỹ H5, sinh năm xxxx, có mặt

3. 21. Ông Võ Văn P, sinh năm xxxx, có mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố L, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2022; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 7 năm 2024 và quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày: Cụ Võ Văn N3 chết năm 2014, có các con gồm: Ông Võ Văn C (Liệt sĩ, không vợ, con), Ông Võ Văn B1 chết (Có con là Võ Văn M, Võ Văn Minh N2), bà Võ Thị T1, bà Võ Thị H, ông Võ Văn S chết (Có con là Võ Thị V, Võ Thị T3, Võ Thị H1, Võ Văn Thanh L, Võ Văn K), ông Võ Văn T2, bà Võ Thị R, ông Võ Văn T, ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5, bà Lê Thị H5, ông Võ Văn P và ông Võ Văn B. Cụ Võ Văn N3 có lập di chúc ngày 11/11/1996 định đoạt tài sản cho ông B, nhưng di chúc không hợp lệ nên ông B không yêu cầu hưởng theo di chúc. Cụ Năm có tài sản là quyền sử dụng đất các thửa 270, 272, 273, 274, 275, 277, tổng diện tích 10.280m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157/HT. QSDĐ ngày 13/8/1997 cấp cho hộ ông Võ Văn N3, tại ấp H, xã B, huyện G. Nguồn gốc đất là do cụ N3 tạo lập. Hiện nay ông B đang sử dụng diện tích đất khoảng 1.700m² cất nhà ở và trồng cỏ. Diện tích còn lại do ông T, ông D, anh M mỗi người sử dụng 1 phần. Ông B xin rút yêu cầu chia đất trong hộ. Ông B yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Võ Văn N3 theo pháp luật cho 13 người con của cụ N3. Ông B không đồng ý chia thêm 02 suất thừa kế cho ông T, vì ông T không đóng góp công sức vào khối di sản. Ông B yêu cầu chia đất thừa kế cho ông B ở vị trí có căn nhà ông B đang ở và phần đất mộ, không yêu cầu trừ diện tích đất mộ. Phần diện tích đất ông B đang sử dụng vượt diện tích thừa kế, ông B yêu cầu chia cho ông T2, ông B không yêu cầu chi phí cải tạo đất.

* Quá trình xét xử bị đơn, ông Võ Văn T trình bày: Cụ Võ Văn N3 có tất cả 13 người con như trình bày trên. Ông T thống nhất di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 06 thửa đất nêu trên. Nguồn gốc đất do cụ Võ Văn N3 tạo lập. Ông Thanh quản L2 sử dụng đất từ khi cụ N3 còn sống cho đến nay, ông T có san lấp

diện tích đất khoảng 2.000m² để trồng màu. Khi còn sống cụ N3 đã có cho đất các con, nhưng chưa cho ông T. Sau khi cụ N3 chết, ông T có phân chia đất cho các anh em cùng sử dụng. Hiện nay ông T đang sử dụng diện tích khoảng 6.600 m² đất trồng hoa màu và lúa. Ông T thống nhất chia thừa kế theo pháp luật cho 13 người con của cụ N3. Ông T yêu cầu chia thêm cho ông T diện tích đất bằng 02 suất thừa kế, vì ông T có thời gian sống chung cụ N3 nhưng chưa được cho đất, ông T có công sức đóng góp vào khối di sản, ông T là người thờ cúng cụ N3. Ông T yêu cầu chia đất theo hiện trạng ông T đang sử dụng, chia đất thừa kế cho bà T1, bà R giáp đất ông T. Ông T không yêu cầu trả chi phí san lấp đất.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 20 tháng 7 năm 2023 và quá trình xét xử bà Võ Thị H trình bày: Thống nhất nguồn gốc đất, diện người thừa kế như trình bày trên. Bà H yêu cầu Tòa chia tài sản thừa kế của cụ Võ Văn N3 theo quy định pháp luật. Bà H xin nhận phần đất thừa kế giáp với đất chia cho ông D. Bà H không đồng ý chia thêm diện tích đất cho ông T, vì ông T không đóng góp công sức vào khối di sản.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 09 tháng 5 năm 2023 và quá trình xét xử đại diện ủy quyền của ông Võ Văn D là bà Võ Thị H trình bày: Thống nhất nguồn gốc đất, diện người thừa kế như trên. Ông D xin rút yêu cầu chia đất trong hộ. Ông D yêu cầu chia đất thừa kế cho ông D ở vị trí đất ông D đang sử dụng có căn nhà ông D đang ở. Ông D không đồng ý chia thêm diện tích đất cho ông T, vì ông T không đóng góp công sức vào khối di sản.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 27 tháng 5 năm 2024 và quá trình xét xử ông Võ Văn T2 trình bày: Thống nhất nguồn gốc đất, diện người thừa kế như trình bày trên. Ông T2 xin rút yêu cầu chia đất trong hộ. Ông T2 thống nhất yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Võ Văn N3 theo pháp luật là quyền sử dụng đất nêu trên. Ông T2 không đồng ý chia thêm diện tích đất cho ông T, vì ông T không đóng góp công sức vào khối di sản. Ông T2 xin nhận phần đất thừa kế giáp với đất chia cho anh B.

* Quá trình xét xử bà Võ Thị T1 trình bày thống nhất như ông T. Bà T1 yêu cầu khi chia thừa kế tách diện tích phần đất mộ thành thửa riêng. Bà T1 tự nguyện tặng cho ông T toàn bộ phần thừa kế của bà T1, không yêu cầu ông T trả tiền giá trị đất.

* Quá trình xét xử ông Võ Văn T đại diện ủy quyền của bà Võ Thị R trình bày thống nhất yêu cầu như ông T. Bà R xin nhận phần đất thừa kế giáp đất ông T và bà T1.

* Quá trình xét xử bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn T5 thống nhất trình bày: Bà L1 và ông T5 là con của cụ Võ Văn N3 và cụ bà Nguyễn Thị G. Bà L1 và ông T5 xin nhận thừa kế tài sản của cha là cụ Võ Văn N3 theo quy định pháp luật. Bà L1 và ông T5 không đồng ý chia thêm diện tích đất cho ông T. Bà L1 và ông T5 tự nguyện mỗi người tặng cho ông T 100 m² đất để cúng giỗ cha chung.

* Quá trình xét xử bà Lê Thị Mỹ H5 và ông Võ Văn P thống nhất trình bày: Bà H5 và ông P là con của cụ Võ Văn N3 và cụ bà Lê Thị Thâm. Bà H5 và ông P

xin nhận thừa kế tài sản của cha là cụ Võ Văn N3 theo quy định pháp luật. Bà H5 và ông P không đồng ý chia thêm diện tích đất cho ông T. Bà H5 và ông P tự nguyện mỗi người tặng cho ông T 100 m² đất để cúng giỗ cha chung.

* Quá trình xét xử anh Võ Văn M trình bày: Ông Võ Văn B1 là con của cụ Võ Văn N3. Ông B1 đã chết trước cụ N3. Ông B1 có 02 người con là Võ Văn M và Võ Văn Minh N2. Anh M và anh Minh N2 thống nhất yêu cầu xin nhận một suất thừa kế theo pháp luật, yêu cầu chia đất cho anh M và anh Minh N2 sử dụng chung ở vị trí đất anh M đang sử dụng trồng cỏ.

* Quá trình xét xử chị Võ Thị V trình bày: Ông Võ Văn S là con của cụ Võ Văn N3. Ông S đã chết trước cụ N3. Ông S có các con là Võ Thị V, Võ Thị H1, Võ Thị T3, Võ Văn Thanh L và Võ Văn K. Chị V, chị H1, chị T3, anh L và anh K thống nhất yêu cầu xin nhận suất thừa kế theo pháp luật.

* Quá trình xét xử chị Võ Thị V đại diện ủy quyền của chị Võ Thị H1, chị Võ Thị T3, anh Võ Văn Thanh L và anh Võ Văn K thống nhất trình bày như chị V. Chị H1, chị T3, anh L và anh K không có yêu cầu khác.

* Quá trình xét xử ông Võ Văn B đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H4 thống nhất yêu cầu như ông B, không có yêu cầu khác.

* Quá trình xét xử bà Huỳnh Thị H2 trình bày thống nhất như ông T. Bà H2 không có yêu cầu khác.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn Minh N2 trình bày: Anh Minh N2 là con ông Võ Văn B1 đã chết. Anh Minh N2 xin nhận phần thừa kế theo pháp luật. Anh Minh N2 có đơn xin vắng mặt khi Tòa xét xử.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Võ Huỳnh Hồng H3, anh Võ Huỳnh Quốc T4 và chị Võ Huỳnh Phương N1 thống nhất yêu cầu như ông T, không có yêu cầu khác. Anh H3, anh T4 và chị N1 có đơn xin vắng mặt khi Tòa xét xử.

* **Ý kiến của Viện kiểm sát:** Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 212, 219, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn B về chia di sản thừa kế của ông Võ Văn N3 và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị H về chia di sản thừa kế. Do anh B2 có đơn rút xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia quyền sử dụng đất trong hộ, nên không xem xét đến.

Chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Võ Văn N3 gồm: Võ Văn T2, Võ Văn D, Võ Văn T, Võ Văn B, Võ Văn B1, Võ Thị T1, Võ Thị H, Võ Văn S, Võ Thị R, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn T5, Lê Thị Mỹ H5, Võ Văn P, mỗi người nhận 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 803,56m².

Ghi nhận tự nguyện của chị L1, anh T5, chị H5, anh P, mỗi người tặng cho ông T 100m² đất để thờ cúng ông N3. Ghi nhận bà T1 tự nguyện tặng cho ông T toàn bộ suất thừa kế của bà T1.

Do ông Võ Văn B1 đã chết nên kỷ phần thừa kế của ông B1 được nhận giao lại cho hàng thừa kế của ông B1 gồm: Anh Võ Văn M và anh Võ Văn Minh N2. Do ông Võ Văn S đã chết nên kỷ phần thừa kế của ông S được nhận giao lại cho hàng thừa kế của ông S gồm: Chị Võ Thị V, chị Võ Thị H1, chị Võ Thị T3, anh Võ Văn Thanh L, anh Võ Văn K.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định, việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Võ Văn Minh N2, anh Võ Huỳnh Hồng H3, anh Võ Huỳnh Quốc T4, chị Võ Huỳnh Phương N1 có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Minh N2, anh H3, anh T4, chị N1.

Quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản và chia quyền sử dụng đất trong hộ theo quy định khoản 2, khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 219, 660 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Võ Văn B rút yêu cầu khởi kiện về chia quyền sử dụng đất trong hộ; ông Võ Văn T2 rút yêu cầu độc lập về chia quyền sử dụng đất trong hộ; ông Võ Văn D rút yêu cầu độc lập về chia quyền sử dụng đất trong hộ. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện, phù hợp khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của ông B, ông T2, ông D về chia quyền sử dụng đất trong hộ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B; yêu cầu độc lập của bà Võ Thị H về thừa kế tài sản theo pháp luật.

* Thời hiệu thừa kế: Các đương sự thống nhất cụ Võ Văn N3 chết năm 2014, phù hợp Trích lục khai tử số 17/TLKT-BS ngày 23/02/2022 của UBND xã B, huyện G. Các đương sự không tranh chấp thời hiệu thừa kế, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Người thừa kế: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất người thừa kế theo pháp luật là 13 người con đẻ của cụ Võ Văn N3 gồm: Ông Võ Văn B1 chết năm 1972 (Con là Võ Văn M, Võ Văn Minh N2), bà Võ Thị T1, bà Võ Thị H (Em), ông Võ Văn S chết năm 1990 (Con là Võ Thị V, Võ Thị T3, Võ Thị H1, Võ Văn Thanh L, Võ Văn K), ông Võ Văn T2, bà Võ Thị R, ông Võ Văn T, ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5, bà Lê Thị H5, ông Võ Văn P, ông Võ Văn B, phù hợp quy định Điều 651 Bộ luật dân sự. Ông Võ Văn B1 và ông Võ

Văn S thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ông B1 và ông S chết trước cụ N3 nên các con ông B1, con ông S là người thừa kế thế vị theo quy định Điều 652 Bộ luật dân sự.

* Di sản: Các đương sự thống nhất xác định quyền sử dụng đất 10.280m² gồm các thửa 270, 272, 273, 274, 275, 277 tại ấp H, xã B, huyện G, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157 ngày 13/8/1997 cấp cho hộ ông Võ Văn N3 là di sản thừa kế, phù hợp biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Trích đo bản đồ địa chính khu đất, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Kỷ phần thừa kế: Kết quả đo các thửa đất có tổng diện tích 10.446,3m². (Tăng 166,3m² so với diện tích cấp giấy), chia 13 người thừa kế, nên một kỷ phần thừa kế theo pháp luật là 803,56m².

Tại phiên tòa bà T1 tự nguyện tặng cho ông T toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà T1. Bà L1, ông T5, bà H5 và ông P tự nguyện mỗi người tặng cho ông T 100m² đất để thờ cúng cụ N3. Xét thấy tự nguyện của bà T1, bà L1, ông T5, bà H5 và ông P là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp đạo đức xã hội, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Các đương sự thống nhất yêu cầu chia đất thừa kế theo hiện trạng sử dụng, không yêu cầu bù chênh lệch giá trị đất theo từng loại đất, không yêu cầu chi phí san lấp, công sức bồi thổ đất, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa các đồng thừa kế không thống nhất yêu cầu của ông T xin chia thêm diện tích đất tương đương 02 suất thừa kế. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian ông T sống chung đến khi cụ N3 chết cho đến nay, ông Thanh quản L2 sử dụng, khai thác hưởng hoa lợi trên đất. Ông T không có chứng cứ chứng minh công sức đóng góp khối di sản, chi phí đầu tư làm tăng giá trị đất. Bà L1, ông T5, bà H5 và ông P đã tự nguyện tặng cho ông T diện tích đất để thờ cúng cụ N3. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia thêm diện tích đất cho ông T. Bà T1 yêu cầu khi chia đất thừa kế tách diện tích đất mộ thành thửa riêng là không phù hợp, vì diện tích đất mộ 32m² không đủ điều kiện tách thửa theo quy định. Theo hiện trạng đất mộ trong phạm vi diện tích đất ông B đang sử dụng cùng thửa đất có căn nhà ông B đang ở, nên nhập diện tích đất mộ cùng diện tích đất chia thừa kế cho ông B là phù hợp. Ghi nhận tự nguyện của ông B không yêu cầu trừ diện tích đất mộ (32m²) trong kỷ phần thừa kế ông B được hưởng.

* Vị trí đất chia thừa kế: Ông T đang sử dụng 2108,6m² đất (Có hệ thống ống nước tưới trồng màu, 38,5m² nhà ở) và 4.508,9m² đất lúa. Ông B đang sử dụng 904,3m² có nhà ở, khu mộ và 862,8m² đất trồng cỏ. Anh M đang sử dụng 940,6m² đất trồng cỏ. Ông D đang sử dụng 1121,1m² đất có nhà ông D đang ở và trồng cỏ. Hội đồng xét xử có xem xét hiện trạng sử dụng, tình hình tài sản trên đất, yêu cầu của đương sự khi chia đất thừa kế cho phù hợp. Nên ông T và người cùng sử dụng đất với ông T (Bà H2, anh Hoàng anh T6, chị N1), ông B và người cùng sử dụng đất với ông B (Bà H4), anh M, ông D có nghĩa vụ giao lại diện tích đất cho người thừa kế theo kỷ phần được chia.

* Về các khoản thanh toán nghĩa vụ của người chết để lại, các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Chi phí tố tụng: Ghi nhận các đương sự thống nhất không yêu cầu về chi phí tố tụng.

[4] Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị quyền sử dụng đất được chia, (Biên bản định giá tài sản ngày 05/8/2023). Bà Võ Thị H, bà Võ Thị R, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn D là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 649, 652, 660 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị H về thừa kế tài sản của cụ Võ Văn N3 theo pháp luật. Chia thừa kế quyền sử dụng đất thừa số 270, 272, 273, 274, 275, 277, tờ bản đồ số 4 (Tờ số 12 V), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157 ngày 13/8/1997 cấp cho hộ ông Võ Văn N3, tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang như sau:

* Ông Võ Văn T được quyền sử dụng đất diện tích 2.007,8m² (Hiện ông T đang sử dụng). Ông Võ Văn T, bà Huỳnh Thị H2, anh Võ Huỳnh Hồng H3, anh Võ Huỳnh Quốc T4, chị Võ Huỳnh Phương N1 có nghĩa vụ tháo dỡ di dời ống nước tưới hoa màu để giao diện tích đất còn lại cho ông cho ông Võ Văn B.

* Ông Võ Văn B được quyền sử dụng đất diện tích 803,5m². Ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H4 có nghĩa vụ giao diện tích đất còn lại cho ông Võ Văn T2; anh Võ Văn M và anh Võ Văn Minh N2.

* Ông Võ Văn T2 được quyền sử dụng đất diện tích 803,5m².

* Anh Võ Văn M và anh Võ Văn Minh N2 được quyền sử dụng đất diện tích 803,56m². Anh Võ Văn M có nghĩa vụ giao diện tích đất còn lại cho ông Võ Văn D.

* Ông Võ Văn D được quyền sử dụng đất diện tích 803,5m². Ông Võ Văn D có nghĩa vụ giao diện tích đất còn lại cho bà Võ Thị H.

* Bà Võ Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 803,5m².

* Bà Võ Thị R được quyền sử dụng đất diện tích 803,5m².

* Chị Võ Thị V, chị Võ Thị T3, chị Võ Thị H1, anh Võ Văn Thanh L và anh Võ Văn K được quyền sử dụng đất diện tích 803,5m².

* Bà Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng đất diện tích 703,5m².

* Ông Nguyễn Văn T5 được quyền sử dụng đất diện tích 703,5m².

* Bà Lê Thị Mỹ H5 được quyền sử dụng đất diện tích 703,5m².

* Ông Võ Văn P được quyền sử dụng đất diện tích 703,5m².

(Ông Võ Văn T, bà Huỳnh Thị H2, anh Võ Huỳnh Hồng H3, anh Võ Huỳnh Quốc T4, chị Võ Huỳnh Phương N1 có nghĩa vụ giao 4.508,9m² đất lúa cho bà Võ Thị H, bà Võ Thị R, chị Võ Thị V, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5, bà Lê Thị Mỹ H5, ông Võ Văn P theo phần thừa kế được chia).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Khi án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Văn T, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị H, bà Võ Thị R, ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5, bà Lê Thị H5, ông Võ Văn P, ông Võ Văn B, anh Võ Văn M, anh Võ Văn Minh N2, chị Võ Thị V, chị Võ Thị T3, chị Võ Thị H1, anh Võ Văn Thanh L, anh Võ Văn K được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về chia quyền sử dụng đất trong hộ ông Võ Văn N3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Võ Văn D về chia quyền sử dụng đất trong hộ ông Võ Văn N3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Võ Văn T2 về chia quyền sử dụng đất trong hộ ông Võ Văn N3.

3/ Án phí sơ thẩm: Ông Võ Văn B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.053.000 đồng, được trừ số tiền 3.960.000 đồng, biên lai thu số 0007880 ngày 25/5/2022, số tiền 2.775.000 đồng, biên lai thu số 0013518 ngày 15/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Ông B còn phải nộp số tiền 5.318.000 đồng.

Ông Võ Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.085.000 đồng. Anh Võ Văn M và anh Võ Văn Minh N2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.053.000 đồng. Chị Võ Thị V, chị Võ Thị T3, chị Võ Thị H1, anh Võ Văn Thanh L và anh Võ Văn K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.053.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5, bà Lê Thị Mỹ H5, ông Võ Văn P, mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.498.000 đồng.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị H, bà Võ Thị R, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn D. Ông Võ Văn D được nhận lại số tiền 3.960.000 đồng, theo biên lai thu số 0028825 ngày 14/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

